

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SON KIM 2
Số:126 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Son Kim 2, ngày 06 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Chính phủ và Chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 34 / NQ-HĐND, ngày 30/06/2023 của HĐND Xã Son Kim 2 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho xã Son Kim 2;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2022 với số liệu cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách: 12.175.534.043đ

Trong đó:

- Các khoản thu tại xã: 1.094.918.143đ
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 5.264.864.400đ
- Thu bổ sung có mục tiêu: 5.425.858.000đ
- Thu kết dư ngân sách: 0đ
- Thu chuyển nguồn năm trước: 389.893.500đ

(Chi tiết có biểu kèm theo)

2. Tổng chi ngân sách: 12.175.534.043đ

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 5.435.302.000đ
- Chi thường xuyên: 6.333.361.316đ
- Chi chuyển nguồn sang năm 2023: 406.870.727đ

((Chi tiết có biểu kèm theo))

3. Kết dư ngân sách: 0đ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Bộ phận Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Tài chính – Kế toán (gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Phong

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 126 /QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND xã Sơn Kim 2 về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022;

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 06/7/2023 tại trụ sở UBND xã Sơn Kim 2 tiến hành lập biên bản niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 gồm các ông, bà cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------------------|------------------------|
| + Ông: Lê Hồng Phong | - Q.Chủ tịch UBND |
| + Ông: Trần Văn Sơn | - Phó Chủ tịch Ủy ban |
| + Ông: Lê Thị Hương | - P. Chủ tịch Hội đồng |
| + Bà: Phan Thị Nương | - VPTK - Thư ký |
| + Bà: Lê Thị Thanh Minh | - Kế toán Ngân sách |
| + Bà: Đào Thị Thi | - Thanh tra nhân dân |
| - Chủ tọa: Ông Lê Hồng Phong | - Q. Chủ tịch UBND xã |
| - Ghi chép: Bà Phan Thị Nương | - VPTK UBND xã |

III. Nội dung:

1. Ông Lê Hồng Phong – Quyền Chủ tịch UBND thông qua quyết định công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai
Công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2022

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn
- Công khai qua công thông tin điện tử xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Bộ phận giao dịch Một cửa Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 2, nhà văn hoá 8 thôn

- Thời gian niêm yết: từ ngày 06/7/ 2023 đến ngày 06/8/ 2023

5. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn 11h30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Ghi chép

Phan Thị Nương



Chủ tọa

**Lê Hồng Phong
PCT UBND XÃ**

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	12.175.534.043	Tổng số chi	12.175.534.043
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	30.438.790	I. Chi đầu tư phát triển	5.435.302.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.064.479.353	II. Chi thường xuyên	6.333.361.316
III. Thu bổ sung	10.690.722.400	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	406.870.727
- Bổ sung cân đối	5.264.864.400	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	5.425.858.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	389.893.500		
Kết dư ngân sách	0		

KẾ TOÁN



Lê Thị Thanh Minh

Ngày 06 tháng 7 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

QUẢN LÝ TÍCH



Lê Hồng Phong

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	NSNN	NSX	5 = 3/1	6 = 4/2
A		1	2	3	4				
	Tổng số thu	6.281.595.000	5.889.495.000	13.753.640.698	12.175.534.043	218,95	206,73		
I	Các khoản thu 100%	67.000.000	67.000.000	35.241.941	30.438.790	52,6	45,43		
1	Phí, lệ phí	35.000.000	35.000.000	11.168.500	11.168.500	31,91	31,91		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	7.000.000	7.000.000						
	Thu từ quỹ đất công ích								
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công								
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			24.073.441	19.270.290				
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	25.000.000	25.000.000						
		738.000.000	345.900.000	2.637.782.857	1.064.479.353	357,42	307,74		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)								
1	Các khoản thu phân chia	43.000.000	34.400.000	160.863.580	129.918.864	374,1	377,67		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			4.100.000	4.100.000				
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	43.000.000	34.400.000	156.763.580	125.818.864	364,57	365,75		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	695.000.000	311.500.000	2.476.919.277	934.560.489	356,39	300,02		
21	Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	250.000.000	1.373.505.550	686.752.776	274,7	274,7		
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			8.419.990	2.525.997				
23	Thuế tài nguyên								
24	Thuế giá trị gia tăng	150.000.000	47.300.000	1.036.364.813	233.555.931	690,91	493,78		

25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000.000	14.200.000	58.628.924	11.725.785	130,29	82,58
26	Thuế thu nhập cá nhân						
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			389.893.500	389.893.500		
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.476.595.000	5.476.595.000	10.690.722.400	10.690.722.400	195,21	195,21
1	Thu bổ sung cân đối	5.476.595.000	5.476.595.000	5.264.864.400	5.264.864.400	96,13	96,13
2	Thu bổ sung có mục tiêu			5.425.858.000	5.425.858.000		

KẾ TOÁN

[Signature]

Lê Thị Thanh Minh

Q. CHỦ TỊCH

[Signature]

Lê Hồng Phong

Ngày 06 tháng 07 năm 2023

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/T/D/T(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.889.495.000	250.000.000	5.639.495.000	12.175.534.043	5.435.302.000	6.740.232.043	206,73	2174,12	119,52
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	18.000.000		18.000.000	1.159.625.000	1.159.625.000		6442,36		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	54.700.000		54.700.000	50.732.000		50.732.000	92,75		92,75
4	Chi văn hóa, thông tin	67.000.000		67.000.000	46.213.000		46.213.000	68,97		68,97
5	Chi phát thanh, truyền thanh	63.000.000		63.000.000	2.350.000		2.350.000	3,73		3,73
6	Chi thể dục, thể thao	49.500.000		49.500.000	33.649.000		33.649.000	67,98		67,98
7	Chi bảo vệ môi trường				12.000.000		12.000.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	81.000.000		81.000.000	3.287.236.000	3.159.632.000	127.604.000	4058,32		157,54
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.088.083.000	250.000.000	4.838.083.000	5.396.530.116	316.045.000	5.080.485.116	106,06	126,42	105,01
10	Chi cho công tác xã hội	80.000.000		80.000.000	918.539.000	800.000.000	118.539.000	1148,17		148,17
11	Chi khác	38.800.000		38.800.000	861.789.200		861.789.200	2221,11		2221,11
12	Dự phòng	146.686.000		146.686.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				406.870.727		406.870.727			
15	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định	177.726.000		177.726.000						
16	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khăn chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định	25.000.000		25.000.000						

KẾ TOÁN

Ngày 06 tháng 07 năm 2023

QU. CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Minh

Lê Hồng Phong